Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8538.90.20

Mã HS	8538.90.20
Mô tả hàng hóa	Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37. / - Loại khác: / - - Điện áp trên 1.000 V
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:05:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85389020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15899
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15899
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15899
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15237
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15169
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15169
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15169
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15169
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15169
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15169
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15225
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15225

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15225
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15225
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15225
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15225
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15226
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15226
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15226
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15226
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15226
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15226
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15227
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15175
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15183
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15183
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15183
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15183
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15183
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15183
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15223
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15223
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15223
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15223
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15223
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15223
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15280
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15280

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15280
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15280
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15280
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15280
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15259
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15259
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15259
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15259
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15259
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15259
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15257
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15257
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15257
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15257
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15257
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15257
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15263
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15263
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15263
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15263
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15263
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15263
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15262
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15262
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15262
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15262
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15262
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15253
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15253
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15253
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15253
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15253
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15253
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15253
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15250
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15250
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15250
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15250
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15250
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15250
RCEP B	2022	2022	0	B!D15250
RCEP B	2023	2023	0	B!E15250
RCEP B	2024	2024	0	B!F15250
RCEP B	2025	2025	0	B!G15250
RCEP B	2026	2026	0	B!H15250
RCEP B	2027	2027	0	B!I15250
RCEP C	2022	2022	0	C!D15250
RCEP C	2023	2023	0	C!E15250
RCEP C	2024	2024	0	C!F15250
RCEP C	2025	2025	0	C!G15250
RCEP C	2026	2026	0	C!H15250

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15250
RCEP D	2022	2022	0	D!D15249
RCEP D	2023	2023	0	D!E15249
RCEP D	2024	2024	0	D!F15249
RCEP D	2025	2025	0	D!G15249
RCEP D	2026	2026	0	D!H15249
RCEP D	2027	2027	0	D!I15249
RCEP E	2022	2022	0	E!D15253
RCEP E	2023	2023	0	E!E15253
RCEP E	2024	2024	0	E!F15253
RCEP E	2025	2025	0	E!G15253
RCEP E	2026	2026	0	E!H15253
RCEP E	2027	2027	0	E!I15253
RCEP F	2022	2022	0	F!D15250
RCEP F	2023	2023	0	F!E15250
RCEP F	2024	2024	0	F!F15250
RCEP F	2025	2025	0	F!G15250
RCEP F	2026	2026	0	F!H15250
RCEP F	2027	2027	0	F!I15250
VIFTA	2024	2024	2	VI!F14215
VIFTA	2025	2025	1	VI!G14215
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14215
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14215

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8538.90 có 5 dòng thuế; dòng 8538.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Điện áp trên 1.000 V.	8538.90.11 Bộ phận của hàng hóa thuộc phân nhóm 8536.69.10, 8536.90.12 hoặc 8536.90.19; 8538.90.12 Bộ phận của hàng hóa thuộc phân nhóm 8536.50.51, 8536.50.59, 8536.69.32 hoặc 8536.69.39; 8538.90.13 Bộ phận của hàng hóa thuộc phân nhóm 8537.10.20; 8538.90.19 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8538.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8538.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15899), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.